

TRƯỜNG TH, THCS VÀ THPT  
NGÔ THỜI NHIỆM  
TỔ NGOẠI NGỮ

KHUNG MA TRẬN KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1  
Môn: Tiếng Anh 8  
Năm học 2026-2027

| STT | ĐƠN VỊ KIẾN THỨC                                                                                                                                             | CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC |    |            |    |          |    | Tổng số câu |    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|----|------------|----|----------|----|-------------|----|
|     |                                                                                                                                                              | NHẬN BIẾT                     |    | THÔNG HIỂU |    | VẬN DỤNG |    |             |    |
|     |                                                                                                                                                              | TN                            | TL | TN         | TL | TN       | TL | TN          | TL |
| 1   | - Nghe hiểu                                                                                                                                                  | 3                             |    | 2          |    |          |    | 5           |    |
| 2   | - Ngữ âm                                                                                                                                                     | 4                             |    |            |    |          |    | 4           |    |
| 3   | - Từ vựng trong ngữ cảnh                                                                                                                                     | 2                             |    | 5          |    |          |    | 5           |    |
| 4   | - <b>Ngữ pháp:</b> Thì hiện tại đơn ( <i>lesson 1 - unit 1</i> )                                                                                             | 1                             |    |            |    |          |    | 1           |    |
| 5   | - <b>Ngữ pháp:</b> <i>Verbs of liking/disliking + V-ing</i> ( <i>lesson 3 - unit 1</i> )                                                                     | 1                             |    |            |    |          |    | 1           |    |
| 6   | - <b>Ngữ pháp:</b> các cụm giới từ đi kèm chỉ sự yêu thích ( <i>be keen on/ be fond of/be crazy about/be interested in...</i> ) ( <i>lesson 2 – unit 1</i> ) | 1                             |    |            |    |          |    | 1           |    |
| 7   | - <b>Ngữ pháp:</b> <i>comparative of adverbs</i> ( <i>lesson 3 – unit 1</i> )                                                                                | 1                             |    |            |    |          |    | 1           |    |
| 8   | - <b>Ngữ pháp:</b> cấu trúc: <i>It takes + time + to V</i> ( <i>lesson 1 - unit 2</i> )                                                                      | 1                             |    |            |    |          |    | 1           |    |
| 9   | - <b>Ngữ pháp:</b> thì quá khứ đơn ( <i>lesson 1 - unit 2</i> )                                                                                              | 1                             |    |            |    |          |    | 1           |    |
| 10  | - <b>Ngữ pháp:</b> phân biệt các lượng từ ( <i>some/many/a lot of/ plenty of</i> ) ( <i>lesson 1-unit 3</i> )                                                |                               |    |            |    | 1        |    | 1           |    |
| 11  | - <b>Ngữ pháp:</b> <i>Compound sentence</i> (sử dụng từ nối “ <i>therefore/however/otherwise/...</i> ”) ( <i>lesson 3 - unit 3</i> )                         |                               |    |            |    | 1        |    | 1           |    |
| 12  | - Chức năng giao tiếp                                                                                                                                        | 1                             |    | 1          |    |          |    | 2           |    |
| 13  | - Đọc thông tin biển báo, quảng cáo                                                                                                                          | 1                             |    | 1          |    |          |    | 2           |    |
| 14  | - Đọc điền từ                                                                                                                                                | 1                             |    | 4          |    | 1        |    | 6           |    |

|              |                                                                                                   |      |   |      |   |      |   |      |      |
|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------|---|------|---|------|---|------|------|
| 15           | - Đọc hiểu, trả lời câu hỏi                                                                       | 1    |   | 3    |   | 2    |   | 6    |      |
| 16           | - Từ loại                                                                                         |      |   |      |   |      | 4 |      | 4    |
| 17           | - Sắp xếp các thành phần trong câu để tạo thành câu có nghĩa hoàn chỉnh (câu đơn – câu phức/ghép) |      |   |      | 1 |      | 1 |      | 2    |
| 18           | - Biến đổi câu                                                                                    |      |   |      |   |      | 4 |      | 4    |
| <b>TỔNG</b>  |                                                                                                   | 19   | 0 | 16   | 1 | 5    | 9 | 40   | 10   |
| <b>TỈ LỆ</b> |                                                                                                   | 40 % |   | 30 % |   | 30 % |   | 80 % | 20 % |

**MA TRẬN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I KHỐI 8 NĂM HỌC 2026 - 2027**

| TT | Nội dung kiến thức | Đơn vị kiến thức        | Chuẩn kiến thức kĩ năng cần kiểm tra                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Số câu hỏi theo mức độ nhận thức |            |          |
|----|--------------------|-------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|------------|----------|
|    |                    |                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Nhận biết                        | Thông hiểu | Vận dụng |
| 1  | Nghe               | Nghe thông tin chi tiết | <b>Biết</b><br>- Nghe được các thông tin về thời gian, số lượng ...<br><i>(Thời điểm, thời gian chuyển đi)</i><br><b>Hiểu</b><br>- Dự đoán thông tin cần điền (là người, vật, hành động ...), nghe hiểu, và điền đúng thông tin.<br><i>(Thông tin về các hoạt động du lịch)</i><br>+ Nội dung thuộc Unit 2: Life in the Countryside | 3                                | 2          |          |
| 2  | Ngữ âm             | Phát âm                 | <b>Biết</b><br>- Xác định được từ gạch chân có cách phát âm khác với các từ còn lại<br>+ Nguyên âm /u/ và /u: /, /ə/ và /ɪ/, được lấy từ Units 1,2<br>+ Phát âm s/es                                                                                                                                                                | 2                                |            |          |
|    |                    | Nhấn âm                 | <b>Biết</b><br>- Xác định được từ có vị trí nhấn khác các từ còn lại.<br>+ Các từ 2, 3 âm tiết; được lấy từ được lấy từ Units 1,2,3 (A closer look 1: Pronunciation)                                                                                                                                                                | 2                                |            |          |

|   |          |                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                     |   |   |
|---|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|---|---|
| 3 | Từ vựng  | <p><i>Từ vựng trong ngữ cảnh</i><br/> <b>(LÔNG GHÉP VÀO CẶP LƯỢT LỜI GIAO TIẾP)</b></p> | <p><b>Biết</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm được giới từ cố định sau một số động từ, tính từ hoặc các cụm từ quen thuộc<br/> + <i>crazy about (Lesson 2 – Unit 1); participate in (Lesson 1 – Unit 3)</i></li> <li>- Tìm được từ thường kết hợp với từ cho sẵn để tạo thành cụm từ cố định<br/> + <i>Ngữ định danh collocations: unloading rice (lesson 1 – unit 2), class forum (Lesson 1 – Unit 3)</i></li> </ul> <p><b>Hiểu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- So sánh sự khác nhau về nghĩa của các từ, từ đó chọn đúng từ hợp nghĩa với ngữ cảnh.<br/> + <i>leisure activities / hobbies / interests / free time (Unit 1)</i><br/> + <i>cattle / poultry / crop / harvest (Unit 2)</i><br/> + <i>countryside / village / town / city (Unit 2)</i><br/> + <i>pressure / stress / advice / activity (Unit 3)</i><br/> + <i>online / offline / social / personal (Unit 3)</i></li> </ul> | 2<br>(1 giới từ - 1 cụm từ cố định) | 5 |   |
| 4 | Ngữ pháp | <p>Thì của động từ</p>                                                                  | <p><b>Biết</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được thì của động từ dựa vào các dấu hiệu nhận biết cơ bản; từ đó chọn được cụm từ có hình thức của thì vừa được xác định.<br/> + <i>Thì hiện tại đơn</i><br/> + <i>Thì quá khứ đơn (động từ -ed)</i></li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2                                   |   |   |
|   |          | <p>(Cấu trúc theo đơn vị bài học)<br/> <b>Ở DẠNG CẤU RIÊNG LẺ</b></p>                   | <p><b>Biết</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được tên của cấu trúc từ dựa vào các dấu hiệu nhận biết cơ bản; từ đó chọn được cụm từ có hình thức khớp với cấu trúc vừa được xác định.<br/> + <i>Verbs of liking/disliking + V-ing (Lesson 3 - Unit 1)</i><br/> + <i>Các cụm giới từ đi kèm chỉ sự yêu thích (be keen on/ be fond of/be crazy about/be interested in...) + V-ing (Lesson 2 – Unit 1)</i><br/> + <i>Comparative of adverbs (dạng more + bare adv + than) (Lesson 3 –Unit 1)</i><br/> + <i>cấu trúc: It takes + time + to V0 (lesson 1 - unit 2)</i></li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4                                   |   | 2 |

|   |     |                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |   |   |   |
|---|-----|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---|
|   |     |                        | <b>Vận dụng</b><br>- Sử dụng cấu trúc phù hợp với ngữ cảnh;<br>+ <i>Phân biệt các lượng từ (some/many/a lot of/ plenty of) (lesson 1- unit 3)</i><br>+ <i>Compound sentence (sử dụng từ nối “therefore/however/otherwise/...) (lesson 3 - unit 3)</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |   |   |   |
| 5 | Nói | Chức năng giao tiếp    | <b>Biết</b><br>- Nhận ra lời nói của người đối diện là lời mời, lời chào hỏi, lời khen,... dựa vào hình thức, cấu trúc đã được học; từ đó lựa chọn cách phản hồi đúng.<br>+ Nhận biết và phản hồi phù hợp với lời khen - <b>Giving and responding to compliments.</b> (Unit 2).<br>+ <i>Tham khảo phần Everyday English trong SGK</i><br><b>Hiểu</b><br>- Diễn giải thông tin người nói; từ đó lựa chọn phản hồi phù hợp<br>+ Hiểu lời yêu cầu và chọn phản hồi phù hợp - <b>Making requests.</b> (Unit 3).<br>+ <i>Tham khảo phần Everyday English trong SGK</i> | 1 | 1 |   |
| 6 | Đọc | Biểu báo/<br>Thông tin | <b>Biết</b><br>- Chọn được lời phát biểu, mô tả đúng ý nghĩa biểu báo nhất<br>+ <i>Biểu báo gắn với đời sống thực tiễn của HS (ưu tiên liên quan đến chủ đề bài học) - Unit 1</i><br><b>Hiểu</b><br>- Xem xét kỹ các thông tin liên quan đến biểu báo; từ đó chọn đúng lời phát biểu mô tả đúng ý nghĩa của biểu báo.<br>+ <i>Thông báo</i><br>+ <i>Unit 2 - Life in the countryside</i><br>+ <i>Tham khảo Reading Part 1 KET/PET</i>                                                                                                                             | 1 | 1 |   |
|   |     | Điền từ/cụm từ/câu     | <b>Biết</b><br>- Xác định được giới từ đi kèm với động từ hoặc tính từ trong một số cụm từ quen thuộc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1 | 4 | 1 |

|  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |   |   |   |
|--|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---|
|  |  | <p>+ <i>Câu hỏi Collocation</i></p> <p><b>Hiểu</b></p> <p>- So sánh sự khác nhau về nghĩa của các từ, từ đó chọn đúng từ hợp nghĩa với ngữ cảnh.</p> <p>+ <i>Câu hỏi danh từ (đảm bảo 4 đáp án cùng 1 loại từ)</i></p> <p>+ <i>Câu hỏi tính từ</i></p> <p>+ <i>Câu hỏi động từ</i></p> <p>+ <i>Câu hỏi trạng từ</i></p> <p><b>Vận dụng</b></p> <p>- Xem xét tính mạch lạc và liên kết của đoạn văn bản được nêu từ đó lựa chọn một câu phù hợp để điền khuyết phần còn thiếu</p> <p>+ <i>Câu hỏi điền câu bị thiếu vào đoạn văn bản</i></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |   |   |   |
|  |  | <p><i>Đọc hiểu</i></p> <p><b>Biết</b></p> <p>- Xác định được thông tin trong bài đọc bằng cách sử dụng từ khóa (<i>key word</i>); từ đó quyết định thông tin trong phát biểu là đúng hay sai;</p> <p>+ <i>Câu hỏi quy chiếu reference</i></p> <p>E.g. The word ____ in paragraph __ refers to?</p> <p><b>Hiểu</b></p> <p>- Diễn giải thông tin bài đọc và thông tin trong phát biểu; từ đó quyết định thông tin trong phát biểu là đúng, sai hay không được nhắc đến</p> <p>- Diễn giải thông tin bài đọc để tìm ra các danh từ, cụm từ mà đại từ/ tính từ chỉ định, sở hữu đề cập (thay thế)</p> <p>+ <i>Câu hỏi dạng NOT TRUE</i></p> <p><b>E.g.</b> Which of the following is NOT TRUE according to the passage?</p> <p>+ <i>Câu hỏi dạng SPECIFIC INFORMATION</i></p> <p><b>E.g.</b> According to the passage ____, what ____?</p> <p>+ <i>Câu hỏi từ đồng nghĩa</i></p> <p><b>E.g.</b> The word “_” in the passage ____ is closest in meaning to ____.</p> <p><b>Vận dụng</b></p> | 1 | 3 | 2 |

|   |      |                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |  |   |   |
|---|------|-----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|---|---|
|   |      |                       | <p>- Xem xét kỹ các thông tin trong bài đọc; từ đó tìm ra đúng ý chính của đoạn văn đọc hiểu</p> <p>+ <i>Câu hỏi Main Idea</i></p> <p><b>E.g.</b> What is the main idea of the passage?</p> <p>+ Câu hỏi suy luận Inference</p> <p><b>E.g.</b> What can be inferred about the _____?</p> <p>+ <i>Chủ đề thuộc Unit 2: Life in the countryside</i></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |  |   |   |
| 7 | Viết | <i>Từ loại</i>        | <p><b>Vận dụng</b></p> <p>- Sử dụng kiến thức về chức năng, vị trí, cách thành lập của các loại từ; kết hợp với yếu tố ngữ pháp từ đó hoàn thiện câu với hình thức đúng của từ trong ngoặc. <b>(3 CÂU 1 PHỤ TỐ, 1 CÂU 2 PHỤ TỐ). ĐẢM BẢO</b></p> <p>- <b>NẾU PHỤ TỐ 1 LÀ ĐỘNG TỪ CẦN THÊM PHỤ TỐ 2 BIẾN HÌNH CHIA THÌ (S/ES/ED)</b></p> <p>- <b>NẾU PHỤ TỐ LÀ 1 DANH TỪ CẦN THÊM PHỤ TỐ 2 BIẾN HÌNH CHIA SỐ ÍT/SỐ NHIỀU</b></p> <p>+ connect (n) =&gt; connection (n) / connected (v) – unit 1</p> <p>+ collect (v) =&gt; collections (n) / collected (v) / collective (adj) - unit 2</p> <p>+ care (v) =&gt; careful (adj) / carefully (adv) – unit 2</p> <p>+ depend (v) =&gt; dependent / independent (adj) unit 3</p> |  |   | 4 |
|   |      | <i>Trật tự của từ</i> | <p><b>Biết</b></p> <p>- Nhận ra được thành phần chính của câu đơn bị xáo trộn và đặt lại đúng vị trí</p> <p>+ <i>Cấu trúc câu đơn theo cú pháp: subject + finite verb + object + complement + (adjunct). Unit 1, Unit 2</i></p> <p><b>Vận dụng</b></p> <p>- Sử dụng kiến thức về câu phức, câu ghép và hiểu nghĩa các từ, cụm từ; từ đó viết được câu hoàn chỉnh</p> <p>+ <i>Cấu trúc câu phức/ghép theo cú pháp: subject + finite verb + object + complement + (adjunct). Unit 3</i></p>                                                                                                                                                                                                                                 |  | 1 | 1 |
|   |      | <i>Biến đổi câu</i>   | <b>Vận dụng</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |  |   | 4 |

|                     |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |     |     |     |
|---------------------|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|-----|
|                     |  | <p>- Hoàn thiện câu dựa trên việc sử dụng kiến thức về cấu trúc đã được dạy.</p> <p><b>1. Chuyển từ câu có cụm tính từ chỉ sự thích sang động từ chỉ sự thích + danh động từ ( unit 1- basic)</b><br/>E.g. He’s keen on/ interested in/ fond of/ crazy about/ into + making models in his spare time.<br/>=&gt; <i>(He enjoys/ adores/ fancies) making models in his spare time.</i></p> <p><b>2. Chuyển từ câu có gerunds làm tân ngữ sang câu có gerunds làm chủ từ trong câu (unit 1- harder)</b><br/>E.g. We find playing online games with friends very interesting.<br/>=&gt; <i>(Playing online games with friends) is very interesting to/for us.</i></p> <p><b>3. Chuyển từ câu có trạng từ so sánh hơn sang trạng từ so sánh hơn trái nghĩa (unit 2)</b><br/>E.g. Huy dances worse than Ba at the village festival. (BETTER)<br/>=&gt; <i>(Ba dances) better than Huy at the village festival.</i></p> <p><b>4. Chuyển từ câu có therefore + clause sang because of + N phrase (unit 3)</b><br/>E.g. The test was difficult; therefore, many students got low marks.<br/>=&gt; <i>(Because of) the difficult test, many students got low marks.</i></p> |     |     |     |
| Tổng câu (50 câu)   |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 18  | 18  | 14  |
| Tổng điểm (10 điểm) |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4   | 3   | 3   |
| Tỉ lệ               |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 40% | 30% | 30% |

MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ NỘI DUNG THEO NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY

MÔN: **KHOA HỌC TỰ NHIÊN 8** – Kỳ kiểm tra Giữa Học kì I – Thời gian làm bài: 60 phút

NĂM HỌC: 2026-2027

1. KHUNG MA TRẬN

| STT | Nội dung                      | Đơn vị kiến thức                                             | Cấp độ tư duy - Mức độ đánh giá |           |          |                         |             |                | Tổng số câu |    | Điểm số |
|-----|-------------------------------|--------------------------------------------------------------|---------------------------------|-----------|----------|-------------------------|-------------|----------------|-------------|----|---------|
|     |                               |                                                              | PHẦN I (16 câu TN)              |           |          | PHẦN II (Tự luận 6 câu) |             |                |             |    |         |
|     |                               |                                                              | Biết                            | Hiểu      | Vận dụng | Biết                    | Hiểu        | Vận dụng       | TL          | TN | Tổng    |
| 1   | 2                             | 3                                                            | 4                               | 5         | 6        | 7                       | 8           | 9              | 10          | 11 | 12      |
| 1   | Mở đầu                        | Mở đầu KHTN                                                  | 2<br>(C1, C2)                   | 1<br>(C3) |          |                         |             |                |             | 3  | 0,75    |
| 2   | Chương 1.<br>Phản ứng hóa học | Bài 2. Phản ứng hóa học                                      | 2<br>(C4,5)                     |           |          |                         | 1<br>(TLC3) |                | 1           | 2  | 1,5     |
|     |                               | Bài 3. Mol và tỉ khối chất khí                               | 1<br>(C6)                       |           |          | 1<br>(ĐSC1,a, b,c,d)    |             | 0,5<br>(TLC4a) | 3/2         | 1  | 1,75    |
|     |                               | Bài 4. Dung dịch và nồng độ                                  | 1<br>(C7)                       | 1<br>(C8) |          |                         |             | 1<br>(TLC5)    | 1           | 2  | 1,5     |
|     |                               | Bài 5. Định luật bảo toàn khối lượng và phương trình hóa học | 1<br>(C9)                       |           |          |                         |             | 0,5<br>(TLC4b) | 1/2         | 1  | 0,75    |
|     |                               | Bài 6. Tính theo phương trình hóa học                        |                                 |           |          |                         |             | 1*<br>(TLC6)   | 1           |    | 1,0     |

| STT                          | Nội dung                            | Đơn vị kiến thức                       | Cấp độ tư duy - Mức độ đánh giá |            |          |                         |             |          | Tổng số câu |     | Điểm số |
|------------------------------|-------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------|------------|----------|-------------------------|-------------|----------|-------------|-----|---------|
|                              |                                     |                                        | PHẦN I (16 câu TN)              |            |          | PHẦN II (Tự luận 6 câu) |             |          |             |     |         |
|                              |                                     |                                        | Biết                            | Hiểu       | Vận dụng | Biết                    | Hiểu        | Vận dụng | TL          | TN  | Tổng    |
| 1                            | 2                                   | 3                                      | 4                               | 5          | 6        | 7                       | 8           | 9        | 10          | 11  | 12      |
|                              |                                     | Bài 7. Tốc độ phản ứng và chất xúc tác | 1<br>(C10)                      | 1<br>(C11) |          |                         |             |          |             | 2   | 0,5     |
| 3                            | Chương 2.<br>Một số chất thông dụng | Bài 8. Acid                            | 2<br>(C12,13)                   | 1<br>(C14) |          |                         | 1<br>(TLC2) |          | 1           | 3   | 1,75    |
|                              |                                     | Bài 9. Base. Thang pH                  | 2<br>(C15,16)                   |            |          |                         |             |          |             | 2   | 0,5     |
| Số câu TN/ Số ý TL (Số YCCĐ) |                                     |                                        | 12TN                            | 4TN        | 0        | 2TL                     | 1TL         | 3TL      | 6           | 16  |         |
| Điểm số                      |                                     |                                        | 3,0                             | 1,0        | 0        | 2,0                     | 1,0         | 3,0      | 6,0         | 4,0 | 10,0    |
| Tổng số điểm                 |                                     |                                        | 4,0 điểm                        |            |          | 6,0 điểm                |             |          | 10 điểm     |     | 10 điểm |

**Ghi chú:**

Các con số trong bảng thể hiện số lượng lệnh hỏi. Mỗi câu hỏi tại phần I và phần II là một lệnh hỏi

+ **Phần 1:** 16 câu TN lý thuyết – 4,0 điểm

+ **Phần 2:** 6 câu Tự Luận – 6,0 điểm (gồm 1 câu hỏi Đúng Sai – 4 ý – 1,0 điểm và 5 câu Tự Luận – 5,0 điểm)

## 2. BẢN ĐẶC TẢ

| TT | Nội dung kiến thức         | Đơn vị kiến thức                   | Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Số câu hỏi theo mức độ nhận thức |            |          |
|----|----------------------------|------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|------------|----------|
|    |                            |                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Nhận biết                        | Thông hiểu | Vận dụng |
| 1  | MỞ ĐẦU                     | Mở đầu KHTN                        | <b>Nhận biết</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nhận biết được một số dụng cụ và hoá chất sử dụng trong môn Khoa học tự nhiên 8.</li> <li>Nhận biết được các thiết bị điện trong môn Khoa học tự nhiên 8.</li> </ul> <b>Thông hiểu</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>Hiểu được cách sử dụng điện an toàn.</li> <li>Hiểu được các quy tắc sử dụng hoá chất an toàn.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2TN                              | 1TN        |          |
| 2  | CHƯƠNG I. PHẢN ỨNG HOÁ HỌC | Bài 2. Phản ứng hóa học            | <b>Nhận biết</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nêu được khái niệm sự biến đổi vật lí, biến đổi hoá học.</li> <li>Nêu được khái niệm phản ứng hoá học, chất đầu và sản phẩm.</li> <li>Nêu được khái niệm về phản ứng toả nhiệt, thu nhiệt</li> </ul> <b>Thông hiểu</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>Phân biệt được sự biến đổi vật lí, biến đổi hoá học. Đưa ra được ví dụ về sự biến đổi vật lí và sự biến đổi hoá học.</li> <li>Tiến hành được một số thí nghiệm về sự biến đổi vật lí và biến đổi hoá học.</li> <li>Chỉ ra được một số dấu hiệu chứng tỏ có phản ứng hoá học xảy ra.</li> <li>Đưa ra được ví dụ minh hoạ về phản ứng toả nhiệt, thu nhiệt.</li> <li>Trình bày được các ứng dụng phổ biến của phản ứng toả nhiệt (đốt cháy than, xăng, dầu).</li> </ul> | 2TN                              | 1TL        |          |
|    |                            | Bài 3. Mol và tỉ khối của chất khí | <b>Nhận biết:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nêu được khái niệm về mol (nguyên tử, phân tử).</li> <li>Nêu được khái niệm tỉ khối, viết được công thức tính tỉ khối của chất khí.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1TN<br>1TL<br>(ĐS)               |            | 0,5TL    |

|  |                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |     |     |       |
|--|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|-------|
|  |                                                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được khái niệm khối lượng mol, thể tích mol của chất khí ở áp suất 1 bar và 25 °C.</li> <li>- Nêu được các hiện tượng trong thực tế liên quan đến tỉ khối của chất khí.</li> </ul> <p><b>Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng tính khối lượng mol (M); Chuyển đổi được giữa số mol (n) và khối lượng (m)</li> <li>- Sử dụng được công thức <math>n(\text{mol}) = \frac{V(\text{L})}{24,79(\text{L} / \text{mol})}</math> để chuyển đổi giữa số mol và thể tích chất khí ở điều kiện chuẩn: áp suất 1 bar ở 25 °C.</li> </ul> |     |     |       |
|  | Bài 4. Dung dịch và nồng độ                                  | <p><b>Nhận biết</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được khái niệm chất tan, dung môi, dung dịch.</li> <li>- Nêu được định nghĩa độ tan của một chất trong nước, nồng độ phần trăm, nồng độ mol.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu</b></p> <p>Hiểu được cách pha một dung dịch theo nồng độ cho trước.</p> <p><b>Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích được các vấn đề thực tế liên quan đến nồng độ mol, nồng độ phần trăm.</li> <li>- Vận dụng tính độ tan, nồng độ phần trăm; nồng độ mol theo công thức.</li> </ul>                                       | 1TN | 1TN | 1TL   |
|  | Bài 5. Định luật bảo toàn khối lượng và phương trình hóa học | <p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát biểu được định luật bảo toàn khối lượng.</li> <li>- Nêu được khái niệm phương trình hoá học và các bước lập phương trình hoá học.</li> <li>- Nêu được ý nghĩa của phương trình hoá học.</li> </ul> <p><b>Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết được biểu thức liên hệ giữa khối lượng các chất trong 1 số phản ứng cụ thể.</li> <li>- Lập được PTHH, chọn hệ số và CTHH thích hợp để hoàn thành PTHH.</li> </ul>                                                                                        | 1TN |     | 0,5TL |

|             |                                          |                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |              |                          |             |
|-------------|------------------------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------------------|-------------|
|             |                                          | <b>Bài 6.</b> Tính theo phương trình hóa học  | <b>Vận dụng</b><br>- Vận dụng tính được lượng chất trong phương trình hóa học theo số mol, khối lượng hoặc thể tích ở điều kiện 1 bar và 25 °C.<br>- Vận dụng tính được hiệu suất của một phản ứng dựa vào lượng sản phẩm thu được theo lí thuyết và lượng sản phẩm thu được theo thực tế.<br><b>* Tính lượng chất dư</b>                                      |              |                          | <b>1TL*</b> |
|             |                                          | <b>Bài 7.</b> Tốc độ phản ứng và chất xúc tác | <b>Nhận biết</b><br>Nêu được khái niệm về tốc độ phản ứng (chỉ ra được mức độ nhanh hay chậm của phản ứng hóa học).<br><b>Thông hiểu</b><br>- Trình bày được một số yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng<br>- Nêu được một số ứng dụng thực tế.<br>- So sánh được tốc độ một số phản ứng hoá học.<br>- Trình bày được các yếu tố làm thay đổi tốc độ phản ứng. | <b>1TN</b>   | <b>1TN</b>               |             |
| 3           | <b>CHƯƠNG II. MỘT SỐ CHẤT THÔNG DỤNG</b> | <b>Bài 8.</b> Acid                            | <b>Nhận biết:</b><br>- Nêu được khái niệm acid (tạo ra ion H <sup>+</sup> ).<br><b>Thông hiểu</b><br>- Trình bày được một số ứng dụng của một số acid thông dụng (HCl, H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> , CH <sub>3</sub> COOH).<br>- Giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm<br>- Trình bày được tính chất hóa học của acid.                         | <b>2TN</b>   | <b>1TN</b><br><b>1TL</b> |             |
|             |                                          | <b>Bài 9.</b> Base. Thang pH                  | <b>Nhận biết:</b><br>- Nêu được khái niệm base (tạo ra ion OH <sup>-</sup> ).<br>- Nêu được thang pH.                                                                                                                                                                                                                                                          | <b>2TN</b>   |                          |             |
| <b>Tổng</b> |                                          | <b>Trắc nghiệm</b>                            | <b>Số câu: 16 câu</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | <b>12 TN</b> | <b>4 TN</b>              |             |
|             |                                          |                                               | Số điểm: 4,0 điểm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 3,0 điểm     | 1,0 điểm                 |             |
|             |                                          | <b>Tự luận</b>                                | <b>Số câu: 06 câu</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | <b>1 TL</b>  | <b>2 TL</b>              | <b>3 TL</b> |
|             |                                          |                                               | Số điểm: 6,0 điểm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 1,0 điểm     | 2,0 điểm                 | 3,0 điểm    |
|             |                                          |                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | <b>40%</b>   | <b>30%</b>               | <b>30%</b>  |

TRƯỜNG TH, THCS VÀ THPT  
NGÔ THỜI NHIỆM

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I  
NĂM HỌC 2026 – 2027  
MÔN GDCD – **KHỐI 8 (TRẮC NGHIỆM + TỰ LUẬN)**  
Thời gian làm bài: 45 phút

| STT       | NỘI DUNG KIẾN THỨC | ĐƠN VỊ KIẾN THỨC                               | CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC |      |            |      |          |      |              |      | Tổng số câu          | Tổng điểm | Ghi chú |
|-----------|--------------------|------------------------------------------------|-------------------------------|------|------------|------|----------|------|--------------|------|----------------------|-----------|---------|
|           |                    |                                                | NHẬN BIẾT                     |      | THÔNG HIỂU |      | VẬN DỤNG |      | VẬN DỤNG CAO |      |                      |           |         |
|           |                    |                                                | CH                            | Điểm | CH         | Điểm | CH       | Điểm | CH           | Điểm | TN+TL                |           |         |
| 1         | Giáo dục đạo đức   | Bài 1: Tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam | 4 TN<br>1TL                   | 2,0  |            |      |          |      |              |      | 4 câu TN<br>1TL      | 2,0       |         |
| 2         | Giáo dục đạo đức   | Bài 2: Tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc    | 4 TN                          | 1,0  | 1TL        | 3,0  |          |      |              |      | 4 câu TN<br>1 câu TL | 4,0       |         |
| 3         | Giáo dục đạo đức   | Bài 3: Lao động cần cù, sáng tạo               | 4 TN                          | 1,0  |            |      | 1TL      | 2,0  | 1TL          | 1,0  | 4 câu TN<br>2 câu TL | 4,0       |         |
| TỔNG      |                    |                                                | 12TN<br>1TL                   | 4,0  | 1TL        | 3,0  | 1TL      | 2,0  | 1TL          | 1,0  | 12TN+4TL             | 10        |         |
| Tỉ lệ     |                    |                                                | 40%                           |      | 30%        |      | 20%      |      | 10%          |      | 100%                 |           |         |
| TỔNG ĐIỂM |                    |                                                | 4,0 điểm                      |      | 3,0 điểm   |      | 2,0 điểm |      | 1,0 điểm     |      | 10 điểm              |           |         |

Lưu ý: điểm trắc nghiệm là 3 điểm

**TRƯỜNG TH, THCS VÀ THPT  
NGÔ THỜI NHIỆM**

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I  
NĂM HỌC 2026 – 2027  
MÔN GDCD – **KHỐI 8**  
Thời gian làm bài: 45 phút**

| STT                | NỘI DUNG KIẾN THỨC | ĐƠN VỊ KIẾN THỨC                               | Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Số câu hỏi theo mức độ nhận thức |             |             |              |
|--------------------|--------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-------------|-------------|--------------|
|                    |                    |                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Nhận biết                        | Thông hiểu  | Vận dụng    | Vận dụng cao |
| 1                  | Giáo dục đạo đức   | Bài 1: Tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam | <b>Nhận biết:</b><br>- Nêu được một số truyền thống của dân tộc Việt Nam.<br>- Kể được một số biểu hiện của lòng tự hào về truyền thống của dân tộc Việt Nam.                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4TN<br>1TL                       |             |             |              |
| 2                  | Giáo dục đạo đức   | Bài 2: Tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc    | <b>Nhận biết:</b><br>Nêu được một số biểu hiện sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới.<br><b>Thông hiểu:</b><br>Giải thích được ý nghĩa của việc tôn trọng các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới.                                                                                                                                                                                                                  | 4TN                              | 1TL         |             |              |
| 3                  | Giáo dục đạo đức   | Bài 3: Lao động cần cù, sáng tạo               | <b>Nhận biết:</b><br>- Nêu được khái niệm cần cù, sáng tạo trong lao động.<br>- Nêu được một số biểu hiện của cần cù, sáng tạo trong lao động.<br><b>Vận dụng:</b><br>- Trân trọng những thành quả lao động; quý trọng và học hỏi những tấm gương cần cù, sáng tạo trong lao động.<br>- Phê phán những biểu hiện chây lười, thụ động trong lao động.<br><b>Vận dụng cao:</b><br>Thể hiện được sự cần cù, sáng tạo trong lao động của bản thân. | 4TN                              |             | 1TL         | 1TL          |
| <b>Tổng</b>        |                    |                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | <b>12 TN<br/>1TL</b>             | <b>1 TL</b> | <b>1 TL</b> | <b>1 TL</b>  |
| <b>Tỉ lệ %</b>     |                    |                                                | <b>100%</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <b>40%</b>                       | <b>30%</b>  | <b>20%</b>  | <b>10%</b>   |
| <b>Tỉ lệ chung</b> |                    |                                                | <b>100%</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <b>70%</b>                       |             | <b>30%</b>  |              |

| Nội dung kiểm tra | Đơn vị kiến thức                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mức độ đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Mĩ thuật ứng dụng | <p><b>Yếu tố và nguyên lí tạo hình</b><br/>Lựa chọn, kết hợp:<br/>Yếu tố tạo hình<br/>- Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian.<br/>- Nguyên lí tạo hình: Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, tỉ lệ, hài hoà.</p> <p><b>Thể loại</b><br/>- Thiết kế thời trang.</p> <p><b>Hoạt động thực hành và thảo luận</b><br/>- Thực hành sáng tạo sản phẩm mĩ thuật 2D, 3D<br/>- Sản phẩm thực hành của học sinh.</p> <p><b>Định hướng chủ đề</b><br/>- Văn hóa xã hội (Hoa văn trang trí của các dân tộc thiểu số Việt Nam).</p> | <p><b>Nhận biết:</b><br/>- Xác định được nội dung đề tài và lựa chọn các loại vật liệu, công cụ phù hợp để thể hiện sản phẩm thiết kế thời trang.</p> <p><b>Thông hiểu:</b><br/>- Hiểu được tính ứng dụng của sản phẩm thiết kế thời trang; Lựa chọn được chất liệu/vật liệu phù hợp với hình thức thực hành thể hiện (vẽ/xé dán/kết hợp vẽ, xé, in...) trên sản phẩm.</p> <p><b>Vận dụng:</b><br/>- Thể hiện được việc sắp xếp các yếu tố tạo hình (nét, hình, màu sắc, đậm nhạt, mô típ hoa văn...) cân đối, hài hòa trên sản phẩm thời trang.<br/>- Giới thiệu, nhận xét được sản phẩm thời trang (của cá nhân/nhóm).</p> <p><b>Vận dụng cao:</b><br/>- Liên hệ ứng dụng sản phẩm thiết kế thời trang vào đời sống thực tiễn; chia sẻ ý thức, trách nhiệm của học sinh trong việc góp phần giữ gìn và phát huy nét đẹp văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số.</p> |

TP.HCM, ngày 03 tháng 10 năm 2026

DUYỆT CỦA TCM

Lê Anh Tuấn

## I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

- Kiến thức:** Đánh giá kết quả học tập của học sinh sau khi học xong Chủ đề 1: chạy cự li ngắn (100m xuất phát thấp).
- Năng lực:** Đánh giá các năng lực chung bao gồm năng lực tự học và tự chủ, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Phẩm chất:** Giúp học sinh tiếp cận và khuyến khích phát triển các phẩm chất chủ yếu.

## II. HÌNH THỨC VÀ SỐ CÂU KIỂM TRA

- Trắc nghiệm 10 câu (2,5 điểm) và thực hành (7,5 điểm)
- Thời gian làm bài: 45 phút.

## III. MA TRẬN

| TT | Nội dung kiến thức                  | Đơn vị kiến thức                                                   | Mức độ nhận thức |                  |            |                  |          |                  |        |                  | Tổng  |    | Tổng điểm %      |    |
|----|-------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|------------|------------------|----------|------------------|--------|------------------|-------|----|------------------|----|
|    |                                     |                                                                    | Nhận biết        |                  | Thông hiểu |                  | Vận dụng |                  | VD cao |                  | Số CH |    | Thời gian (phút) |    |
|    |                                     |                                                                    | Số CH            | Thời gian (phút) | Số CH      | Thời gian (phút) | Số CH    | Thời gian (phút) | Số CH  | Thời gian (phút) | TN    | TH |                  |    |
| 1  | Chủ đề 1:<br>Chạy cự li ngắn (100m) | Kỹ thuật xuất phát thấp và chạy lao sau xuất phát                  | 1                | 1                | 1          | 1                | 1        | 2                |        |                  | 3     |    | 4                | 25 |
|    |                                     | Phối hợp trong giai đoạn chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng | 1                | 1                | 1          | 1                | 1        | 2                |        |                  | 3     |    | 4                |    |

|                                 |  |                                                     |            |          |            |          |           |            |           |           |           |           |           |            |
|---------------------------------|--|-----------------------------------------------------|------------|----------|------------|----------|-----------|------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|------------|
|                                 |  | Phối hợp các giai đoạn trong chạy cự li ngắn (100m) | 1          | 1        | 1          | 1        | 2         | 5          |           |           | 4         |           | 7         |            |
|                                 |  | Thực hành: Chạy cự li ngắn (100m)                   |            |          |            |          |           |            | 1         | 30        |           |           |           | 75         |
| <b>Tổng</b>                     |  |                                                     | <b>3</b>   | <b>3</b> | <b>3</b>   | <b>3</b> | <b>4</b>  | <b>4,5</b> | <b>1</b>  | <b>30</b> | <b>10</b> | <b>1</b>  | <b>45</b> | <b>100</b> |
| <b>Tỉ lệ % mức độ nhận thức</b> |  |                                                     | <b>7,5</b> |          | <b>7,5</b> |          | <b>10</b> |            | <b>75</b> |           | <b>25</b> | <b>75</b> |           |            |

**IV. BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2026-2027**  
**Môn: GDTC Lớp 8 ( Trắc nghiệm và Thực hành)**

| STT                          | Nội dung kiến thức                 | Đơn vị kiến thức                                                   | Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra                                                                                                                                                                                                                                        | Số câu hỏi theo mức độ nhận thức |            |           |              |
|------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|------------|-----------|--------------|
|                              |                                    |                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                              | Nhận biết                        | Thông hiểu | Vận dụng  | Vận dụng cao |
| 1                            | Chủ đề:<br>Chạy cự li ngắn (100m). | Kỹ thuật xuất phát thấp và chạy lao sau xuất phát                  | - Nhận biết: Thực hiện được cách bố trí bàn đạp và kỹ thuật xuất phát thấp.<br>- Thông hiểu: Phối hợp được xuất phát thấp và chạy lao sau xuất phát.<br>- Vận dụng: Vận dụng bài học vào cuộc sống hằng ngày; tự tập luyện các động tác tại nhà để nâng cao khả năng tự học. | 1 (0,25 đ)                       | 1(0,25 đ)  | 1(0,25 đ) |              |
|                              |                                    | Phối hợp trong giai đoạn chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng | - Nhận biết: Phối hợp được giai đoạn chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng.<br>- Thông hiểu: Biết được một số điều luật trong môn chạy.<br>- Vận dụng: Vận dụng các bài tập đã học để rèn luyện thể lực và nâng cao kết quả học tập.                                     | 1(0,25 đ)                        | 1(0,25 đ)  | 1(0,5 đ)  |              |
|                              |                                    | Phối hợp các giai đoạn trong chạy cự li ngắn (100m)                | - Nhận biết: Thực hiện và phối hợp được các giai đoạn trong chạy cự li ngắn.<br>- Thông hiểu: Biết điều khiển tổ, nhóm tập luyện và nhận xét kết<br>- Vận dụng: Vận dụng các bài tập đã học để rèn luyện thể lực và nâng cao kết quả học tập.                                | 1(0,25 đ)                        | 1(0,25 đ)  | 2(0,5 đ)  |              |
|                              |                                    | Thực hành: Chạy cự li ngắn (100m)                                  | - Thông hiểu: Nắm được một số trò chơi phát triển sức nhanh.<br>- Vận dụng: Tổ chức thi đấu.                                                                                                                                                                                 |                                  |            |           | 1(7,5 đ)     |
| Tổng số câu, điểm            |                                    |                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                              | 3                                | 3          | 4         | 1            |
| Tỉ lệ % các mức độ nhận thức |                                    |                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7,5                              | 7,5        | 10        | 75           |

**BAN LÃNH ĐẠO**

**TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN**

**Trịnh Văn Tuấn**

BẢNG ĐẶC TẢ GIỮA HỌC KÌ I

Bộ môn: Nghệ thuật 8 (Âm nhạc)

BẢNG ĐẶC TẢ

| TT | Mạch nội dung | Đơn vị kiến thức                                                                                                                                                                                    | Mức độ đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|----|---------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Hát           | <ul style="list-style-type: none"><li>• <b>Chủ đề 1:</b> <i>Chào năm học mới</i> (Nhạc và lời: Phạm Hải Đăng)</li><li>• <b>Chủ đề 2:</b> <i>Việt Nam ơi</i> (Nhạc và lời: Bùi Quang Minh)</li></ul> | <b>Nhận biết:</b><br>Nêu được tên bài hát, tên các tác giả và nội dung của bài hát.                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|    |               |                                                                                                                                                                                                     | <b>Thông hiểu:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Cảm nhận được sắc thái và tình cảm của các bài hát.</li><li>- Biết nhận xét về việc trình diễn bài hát của bản thân hoặc người khác.</li></ul>                                                                                                                                                                   |
|    |               |                                                                                                                                                                                                     | <b>Vận dụng:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Hát đúng cao độ, trường độ, sắc thái.</li><li>- Hát rõ lời và thuộc lời; biết chủ động lấy hơi; duy trì được tốc độ ổn định.</li><li>- Biết hát đơn ca, song ca, tốp ca, đồng ca.</li><li>- Biết điều chỉnh giọng hát để tạo nên sự hài hoà.</li><li>- Biết hát kết hợp gõ đệm, vận động hoặc đánh nhịp.</li></ul> |

| TT | Mạch nội dung | Đơn vị kiến thức                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Mức độ đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|----|---------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2  | Đọc nhạc      | <b>Bài đọc nhạc số 1</b> (giọng Đô trưởng, nhịp 2/4)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | <b>Nhận biết:</b><br>- Đọc đúng tên nốt trong bài đọc nhạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|    |               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | <b>Thông hiểu:</b><br>- Hiểu được các kí hiệu trong bài đọc nhạc.<br>- Phân biệt được sự giống nhau hoặc khác nhau của các nét nhạc.<br>- Cảm nhận được tính chất của bài đọc nhạc                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|    |               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | <b>Vận dụng:</b><br>- Đọc đúng cao độ gam Đô trưởng.<br>- Thể hiện đúng cao độ và trường độ bài đọc nhạc.<br>- Biết đọc nhạc kết hợp gõ đệm hoặc đánh nhịp.                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 3  | Nhạc cụ       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhạc cụ tiết tấu: Các bài thực hành gõ đệm theo phách, theo tiết tấu (thanh phách, song loan, tambourine, trống nhỏ, maracas...) cho bài hát Chủ đề 1, 2.</li> <li>- Nhạc cụ giai điệu:</li> <li>+ Kèn phím – thực hành thế bấm, bài luyện tập; bài Xòe hoa (Dân ca Thái) (Chủ đề 2).</li> <li>+ Sáo recorder – thực hành thế bấm, bài luyện tập Inh lá ơi.</li> </ul> | <b>Nhận biết:</b><br>Biết chơi nhạc cụ đúng tư thế.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|    |               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | <b>Thông hiểu:</b><br>Biết nhận xét về cách chơi nhạc cụ của bản thân hoặc người khác.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|    |               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | <b>Vận dụng:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết chơi nhạc cụ đúng kĩ thuật.</li> <li>- Thể hiện đúng cao độ, trường độ, sắc thái các bài tập tiết tấu, giai điệu, hoà âm; duy trì được tốc độ ổn định.</li> <li>- Biết chơi nhạc cụ với hình thức độc tấu.</li> <li>- Biết điều chỉnh cường độ để tạo nên sự hài hoà; biểu lộ cảm xúc phù hợp với tính chất âm nhạc.</li> <li>- Biết chơi nhạc cụ với hình thức hoà tấu.</li> </ul> |

| TT | Mạch nội dung | Đơn vị kiến thức | Mức độ đánh giá                                                  |
|----|---------------|------------------|------------------------------------------------------------------|
|    |               |                  | - Biết kết hợp các loại nhạc cụ để hoà tấu hoặc đệm cho bài hát. |

**Tùy vào khả năng, năng khiếu của bản thân các em được phép chọn 1 trong 3 nội dung trên để thực hành kiểm tra.**

**TTCM**

**Phí Thị Thu Hiền**

BẢNG NỘI DUNG THEO NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY

Môn: Công nghệ - Lớp 8 – Kỳ kiểm tra giữa học kì I

Năm học: 2026-2027

| STT | Nội dung                      | Đơn vị kiến thức                                   | Mức độ đánh giá    |      |          |                         |                  |                   | Tổng số câu |     | Điểm số |
|-----|-------------------------------|----------------------------------------------------|--------------------|------|----------|-------------------------|------------------|-------------------|-------------|-----|---------|
|     |                               |                                                    | PHẦN I (16 câu TN) |      |          | PHẦN II (Tự luận 3 câu) |                  |                   |             |     |         |
|     |                               |                                                    | Biết               | Hiểu | Vận dụng | Biết                    | Hiểu             | Vận dụng          | TL          | TN  | Tổng    |
| 1   | 2                             | 3                                                  | 4                  | 5    | 6        | 7                       | 8                | 9                 | 10          | 11  | 12      |
| 1   | Chương I:<br>VẼ KỸ THUẬT      | Bài 1: Một số tiêu chuẩn trình bày bản vẽ kĩ thuật | 8<br>(C1–C8)       |      |          |                         |                  |                   | 0           | 8   | 2,00    |
|     |                               | Bài 2: Hình chiếu vuông góc                        | 6<br>(C9–C14)      |      |          |                         | 1TL<br>(TL1: 1đ) | 1TL*<br>(TL2: 3đ) | 2           | 6   | 5,50    |
|     |                               | Bài 3: Bản vẽ chi tiết                             | 2<br>(C15, C16)    |      |          |                         | 1TL<br>(TL3: 2đ) |                   | 1           | 2   | 2,50    |
| 2   | Số câu/ý TN, số câu TL (YCCĐ) |                                                    | 16TN               | —    | —        | —                       | 2TL              | 1TL               | 3           | 16  |         |
| 3   | Điểm số                       |                                                    | 4,0                | 0,0  | 0,0      | 0,0                     | 3,0              | 3,0               | 6,0         | 4,0 | 10,0    |
| 4   | Tổng số điểm                  |                                                    | 4,0 điểm           |      |          | 6,0 điểm                |                  |                   | 10 điểm     |     | 10 điểm |

**KHUNG BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1**  
**MÔN: CÔNG NGHỆ; LỚP: 8 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút**

| TT            | Nội dung                 | Đơn vị kiến thức                                   | Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Số câu/ý theo mức độ nhận thức |                  |                   |
|---------------|--------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------------|-------------------|
|               |                          |                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Nhận biết                      | Thông hiểu       | Vận dụng          |
| 1             | Chương I:<br>VẼ KỸ THUẬT | Bài 1: Một số tiêu chuẩn trình bày bản vẽ kỹ thuật | <b>Nhận biết:</b><br>- Trình bày được khái niệm bản vẽ kỹ thuật và tỉ lệ trên bản vẽ kỹ thuật.<br>- Mô tả được một số tiêu chuẩn trình bày bản vẽ: khổ giấy, tỉ lệ, nét vẽ và ghi kích thước.<br><b>Thông hiểu:</b><br>- Giải thích được cách ghi kích thước, cách ghi tỉ lệ trên bản vẽ kỹ thuật.<br><b>Vận dụng:</b><br>- Liên hệ được vai trò của bản vẽ kỹ thuật trong đời sống.                                                                                                                                 | 8TN<br>(C1–C8)                 |                  |                   |
|               |                          | Bài 2: Hình chiếu vuông góc                        | <b>Nhận biết:</b><br>- Nhận biết được hình chiếu đứng, hình chiếu bằng, hình chiếu cạnh của một số khối đa diện, khối tròn xoay.<br>- Nêu được hướng chiếu và vị trí tương ứng của các hình chiếu vuông góc.<br><b>Thông hiểu:</b><br>- Xác định được hình dạng vật thể từ các hình chiếu vuông góc đơn giản.<br>- Giải thích được vị trí các hình chiếu trên bản vẽ và kích thước tương ứng.<br><b>Vận dụng:</b><br>- Vẽ được hình chiếu vuông góc của một số vật thể đơn giản theo phương pháp chiếu góc thứ nhất. | 6TN<br>(C9–C14)                | 1TL<br>(TL1: 1đ) | 1TL*<br>(TL2: 3đ) |
|               |                          | Bài 3: Bản vẽ chi tiết                             | <b>Nhận biết:</b><br>- Trình bày được khái niệm và nội dung chính của bản vẽ chi tiết.<br><b>Thông hiểu:</b><br>- Mô tả được vai trò, ý nghĩa và cách đọc bản vẽ chi tiết.<br>- Đọc được các thông tin cơ bản trên một bản vẽ chi tiết đơn giản.                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2TN<br>(C15, C16)              | 1TL<br>(TL3: 2đ) |                   |
| Tổng số câu/ý |                          |                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 16TN                           | 2TL              | 1TL               |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Năm học: 2026 - 2027**

**MÔN NGỮ VĂN 8**

**Thời gian: 90 phút**

**I. MỤC ĐÍCH KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ:**

- Kiến thức:** Đánh giá mức độ đạt chuẩn về năng lực Ngữ văn trình độ lớp 8 (CT Ngữ văn 2018).
- Kĩ năng:** Đọc hiểu văn bản; cảm thụ, phân tích để làm bài kiểm tra trong thời gian 90 phút.
- Thái độ:** Đánh giá thái độ học tập và nhận thức của học sinh.
- Đánh giá các năng lực hình thành qua kiến thức và kĩ năng:** Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tạo lập văn bản, năng lực ngôn ngữ, năng lực cảm thụ thẩm mỹ.

**II. XÁC ĐỊNH CHUẨN KIẾN THỨC KĨ NĂNG:**

- Kiến thức phần Đọc hiểu:** Thơ thất ngôn bát cú / tứ tuyệt Đường luật; Biện pháp tu từ đảo ngữ
- Kiến thức phần Viết:** Viết bài văn kể lại một chuyến đi hoặc hoạt động xã hội

**III. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA:**

- Hình thức:** Tự luận (100%)
- Cách thức tổ chức kiểm tra:** Học sinh làm bài kiểm tra tập trung trong 90 phút.

**IV. THIẾT LẬP KHUNG MA TRẬN:**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

| TT      | Kĩ năng  | Đơn vị kiến thức / Kĩ năng                              | Nhận biết |      | Thông hiểu |      | Vận dụng |      | Tổng   |      | % tổng điểm |
|---------|----------|---------------------------------------------------------|-----------|------|------------|------|----------|------|--------|------|-------------|
|         |          |                                                         | Số câu    | Điểm | Số câu     | Điểm | Số câu   | Điểm | Số câu | Điểm |             |
| 1       | Đọc hiểu | Thơ thất ngôn bát cú / tứ tuyệt Đường luật              | 2         | 2,0  | 1          | 1,5  | 1        | 1,5  | 4      | 5,0  | 50%         |
|         |          | Biện pháp tu từ Đảo ngữ                                 | 1         | 1,0  | 0          | 0    | 0        | 0    | 1      | 1,0  | 10%         |
| 2       | Viết     | Viết bài văn kể lại một chuyến đi hoặc hoạt động xã hội | 0*        | 0,5* | 0*         | 1,5* | 1*       | 2,0* | 1      | 4,0  | 40%         |
| Tổng    |          |                                                         | 3         | 3,5  | 1          | 3,0  | 2        | 3,5  | 6      | 10,0 | 100%        |
| Tỉ lệ % |          |                                                         |           |      |            |      |          |      |        |      | 100%        |

|  |     |     |     |  |  |  |
|--|-----|-----|-----|--|--|--|
|  | 35% | 30% | 35% |  |  |  |
|--|-----|-----|-----|--|--|--|

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA**

| TT | Kĩ năng  | Đơn vị kiến thức / kĩ năng                 | Mức độ đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Số câu hỏi theo mức độ nhận thức |            |          | Tổng số câu | Điểm |
|----|----------|--------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|------------|----------|-------------|------|
|    |          |                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Nhận biết                        | Thông hiểu | Vận dụng |             |      |
| 1  | Đọc hiểu | Thơ thất ngôn bát cú / tứ tuyệt Đường luật | <b>Nhận biết:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được thể thơ (thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật).</li> <li>- Nhận biết được đặc điểm về niêm, luật, vần, đối, bố cục (Đề - Thực - Luận - Kết hoặc Khởi - Thừa - Chuyển - Hợp).</li> <li>- Nhận biết các từ ngữ, hình ảnh, nhân vật trữ tình, bối cảnh không gian, thời gian tiêu biểu trong bài thơ.</li> </ul> <b>Thông hiểu:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu và làm rõ ý nghĩa của các hình ảnh, từ ngữ đặc sắc; nét độc đáo của mạch cảm xúc.</li> <li>- Phân tích được tâm trạng, tình cảm, cảm hứng chủ đạo và thái độ của tác giả đối với thiên nhiên, con người, thời cuộc.</li> <li>- Rút ra được chủ đề, tư tưởng, thông điệp ý nghĩa mà bài thơ gửi gắm.</li> </ul> <b>Vận dụng:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được sự thay đổi trong nhận thức, tình cảm hoặc thái độ sống của bản thân sau khi đọc bài thơ.</li> <li>- Liên hệ, đánh giá giá trị tư tưởng của tác phẩm đối với cuộc sống hôm nay.</li> </ul> | 2 (C1, C2)                       | 1 (C4)     | 1 (C5)   | 4           | 5,0  |

|   |      |                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |        |    |    |            |     |
|---|------|------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|----|----|------------|-----|
|   |      | Biện pháp tu từ Đảo ngữ                                    | <b>Nhận biết:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được biện pháp tu từ đảo ngữ (đảo trật tự từ ngữ thông thường) trong câu thơ/ cặp câu thơ cho sẵn.</li> <li>- Chỉ ra đúng thành phần/ từ ngữ được thay đổi vị trí trật tự cú pháp.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 1 (C3) | 0  | 0  | 1          | 1,0 |
| 2 | Viết | Viết bài văn kể lại một chuyến đi hay một hoạt động xã hội | <b>Nhận biết:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định đúng kiểu bài tự sự: kể lại một chuyến đi (tham quan, trải nghiệm, về quê...) hoặc một hoạt động xã hội (tình nguyện, thiện nguyện, bảo vệ môi trường, đền ơn đáp nghĩa...).</li> <li>- Xác định đúng ngôi kể thứ nhất (xưng "tôi" hoặc "chúng tôi").</li> <li>- Đảm bảo bố cục 3 phần của bài văn (Mở bài, Thân bài, Kết bài); chuẩn chính tả, ngữ pháp.</li> </ul> <b>Thông hiểu:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới thiệu mục đích, bối cảnh diễn ra chuyến đi hoặc hoạt động xã hội.</li> <li>- Kể lại diễn biến chuyến đi / hoạt động theo trình tự hợp lí (thời gian, không gian, diễn biến sự việc).</li> <li>- Khắc họa chi tiết sinh động các sự việc tiêu biểu, con người, cảnh vật cụ thể.</li> </ul> <b>Vận dụng:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết hợp nhuần nhuyễn phương thức tự sự với miêu tả (khung cảnh, sinh hoạt) và biểu cảm (cảm xúc của bản thân và mọi người xung quanh).</li> <li>- Nêu bật được ý nghĩa nhân văn, bài học</li> </ul> | 0*     | 0* | 1* | 1 câu (TL) | 4,0 |

|                |  |  |                                                                                                                                                       |            |            |            |          |             |
|----------------|--|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------|------------|----------|-------------|
|                |  |  | sâu sắc rút ra từ chuyến đi / hoạt động xã hội đối với sự trưởng thành của bản thân.<br>- Lời văn tự nhiên, truyền cảm, có ý tưởng sâu sắc, sáng tạo. |            |            |            |          |             |
| <b>Tổng</b>    |  |  |                                                                                                                                                       | <b>3</b>   | <b>1</b>   | <b>2</b>   | <b>6</b> | <b>10,0</b> |
| <b>Tỉ lệ %</b> |  |  |                                                                                                                                                       | <b>35%</b> | <b>30%</b> | <b>35%</b> |          | <b>100%</b> |

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

Loại bài kiểm tra: định kỳ - Giữa HK1

Khối 8 – ICT

I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

| TT          | Chủ đề/Chương                                               | Nội dung/đơn vị kiến thức                                      | Mức độ đánh giá |      |          |         |      |          |         |      |          | Tổng |      |          | Tỉ lệ % điểm  |
|-------------|-------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-----------------|------|----------|---------|------|----------|---------|------|----------|------|------|----------|---------------|
|             |                                                             |                                                                | TNKQ-NLC        |      |          | TNKQ-ĐS |      |          | Tự luận |      |          |      |      |          |               |
|             |                                                             |                                                                | Biết            | Hiểu | Vận dụng | Biết    | Hiểu | Vận dụng | Biết    | Hiểu | Vận dụng | Biết | Hiểu | Vận dụng |               |
| 1           | Chủ đề 1. Máy tính và cộng đồng                             | Bài 1. Lịch sử phát triển máy tính.                            | 2               | 2    | 1        | 2       | 1    | 1        |         |      |          | 4    | 3    | 2        | 22,5%<br>2.25 |
| 2           | Chủ đề 2. Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin   | Bài 2. Thông tin trong môi trường số.                          | 3               | 3    | 2        | 2       | 1    | 1        |         |      |          | 5    | 4    | 3        | 30%<br>3      |
|             |                                                             | Bài 3. Thực hành: Khai thác thông tin số.                      | 3               | 2    | 3        |         |      |          |         |      |          | 3    | 2    | 3        | 20%<br>2      |
| 3           | Chủ đề 2. Đạo đức, pháp luật và văn hóa trong môi trường số | Bài 4. Đạo đức và văn hóa trong sử dụng công nghệ kĩ thuật số. | 3               | 2    | 2        | 1       | 1    | 2        |         |      |          | 4    | 3    | 4        | 27.5%<br>2.75 |
| Tổng số câu |                                                             |                                                                | 11              | 9    | 8        | 5       | 3    | 4        |         |      |          | 16   | 12   | 12       |               |

|                     |      |      |   |      |      |   |  |  |  |     |     |     |  |
|---------------------|------|------|---|------|------|---|--|--|--|-----|-----|-----|--|
| <b>Tổng số điểm</b> | 2.75 | 2.25 | 2 | 1.25 | 0.75 | 1 |  |  |  | 4   | 3   | 3   |  |
| <b>Tỉ lệ %</b>      | 70%  |      |   | 30%  |      |   |  |  |  | 40% | 30% | 30% |  |

**II. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ**

| TT | Chủ đề/Chương                                                    | Nội dung/đơn vị kiến thức             | Yêu cầu cần đạt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá |      |          |                           |      |          |                           |      |          |         |      |          |
|----|------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|------|----------|---------------------------|------|----------|---------------------------|------|----------|---------|------|----------|
|    |                                                                  |                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | TNKQ                             |      |          |                           |      |          |                           |      |          | Tự luận |      |          |
|    |                                                                  |                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Nhiều lựa chọn                   |      |          | “Đúng – Sai” <sup>2</sup> |      |          | Trả lời ngắn <sup>3</sup> |      |          |         |      |          |
|    |                                                                  |                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Biết                             | Hiểu | Vận dụng | Biết                      | Hiểu | Vận dụng | Biết                      | Hiểu | Vận dụng | Biết    | Hiểu | Vận dụng |
| 1  | <b>Chủ đề 1.</b><br>Máy tính và cộng đồng                        | Bài 1. Lịch sử phát triển máy tính.   | <ul style="list-style-type: none"> <li>* <b>Biết:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trình bày được sơ lược lịch sử phát triển máy tính.</li> </ul> </li> <li>* <b>Hiểu:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Hiểu được sự phát triển máy tính đã đem đến những thay đổi lớn lao cho xã hội loài người.</li> </ul> </li> <li>* <b>Vận dụng:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Cho ví dụ cho thấy sự phát triển máy tính đã đem đến những thay đổi lớn lao cho xã hội loài người.</li> </ul> </li> </ul> | 2                                | 2    | 1        | 2                         | 1    | 1        |                           |      |          |         |      |          |
| 2  | <b>Chủ đề 2.</b> Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin | Bài 2. Thông tin trong môi trường số. | <ul style="list-style-type: none"> <li>* <b>Biết:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Các đặc điểm của thông tin số đa dạng.</li> <li>– Biết cách tìm kiếm thông tin từ các nguồn chính thống</li> </ul> </li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 3                                | 3    | 2        | 2                         | 1    | 1        |                           |      |          |         |      |          |



|  |                                                                               |                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |  |  |
|--|-------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---|---|---|---|--|--|--|--|--|--|
|  |                                                                               |                                                                       | <p>(tóm tắt, chọn lọc) để tạo thành một sản phẩm số (bài trình chiếu) mạch lạc và hấp dẫn.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– chia sẻ sản phẩm số (bài trình chiếu) qua các kênh phù hợp (email, Zalo, Google Drive) và tôn trọng bản quyền tác giả (ghi nguồn tài liệu tham khảo).</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |  |  |
|  | <p><b>Chủ đề 3.</b><br/>Đạo đức, pháp luật và văn hóa trong môi trường số</p> | <p>Bài 4. Đạo đức và văn hóa trong sử dụng công nghệ kỹ thuật số.</p> | <p>* <b>Biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhận biết và giải thích được một số biểu hiện vi phạm đạo đức và pháp luật,</li> <li>– Biết những biểu hiện thiếu văn hóa khi sử dụng công nghệ kỹ thuật số.</li> </ul> <p>* <b>Hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Hiểu và tôn trọng quyền riêng tư của người khác, không tự ý chia sẻ thông tin/hình ảnh cá nhân của người khác khi chưa được phép.</li> </ul> <p>* <b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Bảo đảm được các sản phẩm số do bản thân tạo ra để thể hiện được đạo đức, tính văn hóa và</li> </ul> | 3 | 2 | 2 | 1 | 1 | 2 |  |  |  |  |  |  |

|              |  |  |                             |      |      |   |      |      |   |  |  |  |  |  |  |
|--------------|--|--|-----------------------------|------|------|---|------|------|---|--|--|--|--|--|--|
|              |  |  | không vi phạm pháp<br>luật. |      |      |   |      |      |   |  |  |  |  |  |  |
| Tổng số câu  |  |  |                             | 11   | 9    | 8 | 5    | 3    | 4 |  |  |  |  |  |  |
| Tổng số điểm |  |  |                             | 2.75 | 2.25 | 2 | 1.25 | 0.75 | 1 |  |  |  |  |  |  |
| Tỉ lệ %      |  |  |                             | 70%  |      |   | 30%  |      |   |  |  |  |  |  |  |

TRƯỜNG TH, THCS & THPT  
NGÔ THỜI NHIỆM

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 MÔN TOÁN – LỚP 8 – NĂM HỌC 2026 - 2027

| TT | Chủ đề             | Nội dung/Đơn vị kiến thức       | Mức độ đánh giá     |                       |                     |                    |          |                    | Tổng % điểm |
|----|--------------------|---------------------------------|---------------------|-----------------------|---------------------|--------------------|----------|--------------------|-------------|
|    |                    |                                 | Nhận biết           |                       | Thông hiểu          |                    | Vận dụng |                    |             |
|    |                    |                                 | TNKQ                | TL                    | TNKQ                | TL                 | TNKQ     | TL                 |             |
| 1  | Đa thức nhiều biến | 1.1. Đơn thức. Đa thức          | 1<br>(TN1)<br>0,25  |                       | 2<br>(TN2,3)<br>0,5 | 1<br>(TL2a)<br>1,0 |          |                    | 6,25        |
|    |                    | 1.2. Cộng, trừ đa thức          | 1<br>(TN4)<br>0,25  |                       | 2<br>(TN5,6)<br>0,5 |                    |          | 1<br>(TL3)<br>1,0  |             |
|    |                    | 1.3. Nhân, chia đa thức         | 1<br>(TN7)<br>0,25  | 2<br>(TL1a,1b)<br>1,0 |                     | 1<br>(TL2b)<br>1,0 |          | 1<br>(TL1c)<br>0,5 |             |
| 2  | Tứ giác            | 2.1. Tứ giác                    | 1<br>(TN8)<br>0,25  |                       |                     | 1<br>(TL4)<br>1,0  |          |                    | 3,75        |
|    |                    | 2.2. Hình thang, hình thang cân | 1<br>(TN9)<br>0,25  |                       |                     |                    |          | 1<br>(TL5a)<br>0,5 |             |
|    |                    | 2.3. Hình bình hành             | 1<br>(TN10)<br>0,25 |                       |                     |                    |          | 1<br>(TL5c)<br>0,5 |             |
|    |                    | 2.4. Hình chữ nhật              | 1<br>(TN11)<br>0,25 |                       |                     |                    |          | 1<br>(TL5b)<br>0,5 |             |

|                      |  |                            |                      |          |          |          |          |            |
|----------------------|--|----------------------------|----------------------|----------|----------|----------|----------|------------|
|                      |  | 2.5. Hình thoi, hình vuông | 1<br>(TN 12)<br>0,25 |          |          |          |          |            |
| Tổng: Số câu<br>Điểm |  |                            | 8<br>2,0             | 2<br>1,0 | 4<br>1,0 | 3<br>3,0 | 5<br>3,0 | 22<br>10,0 |
| Tỉ lệ %              |  |                            | 30 %                 |          | 40 %     |          | 30 %     | 100 %      |
| Tỉ lệ chung          |  |                            | 70 %                 |          |          | 30 %     |          | 100 %      |

**BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I – MÔN TOÁN – LỚP 8 - NĂM HỌC 2026 - 2027**

| TT | Nội dung kiến thức            | Đơn vị kiến thức               | Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Số câu hỏi theo mức độ nhận thức |            |          |
|----|-------------------------------|--------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|------------|----------|
|    |                               |                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Nhận biết                        | Thông hiểu | Vận dụng |
| 1  | <b>ĐA THỨC<br/>NHIỀU BIẾN</b> | <b>1.1. Đơn thức. Đa thức</b>  | <b>Nhận biết</b><br>- Nhận biết được các khái niệm về đơn thức, đa thức nhiều biến.<br><b>Thông hiểu</b><br>- Tìm được bậc của đơn thức, đa thức<br>- Tính được giá trị của đa thức khi biết giá trị của các biến.                                                                                                                                | 1TN                              | 2TN<br>1TL |          |
|    |                               | <b>1.2. Cộng, trừ đa thức</b>  | <b>Nhận biết</b><br>- Biết thực hiện cộng, trừ đa thức<br><b>Thông hiểu</b><br>- Phối hợp các phép toán cộng, trừ đa thức để rút gọn biểu thức.<br>- Phối hợp các phép toán cộng, trừ đa thức để tính giá trị của biểu thức.<br><b>Vận dụng.</b><br>- Tìm đa thức chưa biết.<br>- Tính được giá trị của biểu thức tại giá trị cho trước của biến. | 1TN                              | 2TN        | 1TL      |
|    |                               | <b>1.3. Nhân, chia đa thức</b> | <b>Nhận biết</b><br>- Biết thực hiện nhân, chia đa thức<br><b>Thông hiểu</b><br>- Phối hợp các phép toán nhân, chia đa thức để rút gọn biểu thức.<br>- Phối hợp các phép toán cộng, trừ, nhân, chia đa thức để tính giá trị của biểu thức.                                                                                                        | 1TN<br>2TL                       | 1TL        | 1TL      |

|   |                |                                 |                                                                                                                                                                                                                                                         |     |     |     |
|---|----------------|---------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|-----|
|   |                |                                 | <b>Vận dụng.</b><br>- Thực hiện phối hợp các phép tính trong biểu thức rồi tìm x<br>- Tìm đa thức chưa biết.                                                                                                                                            |     |     |     |
| 2 | <b>TỨ GIÁC</b> | 2.1. Tứ giác                    | <b>Nhận biết</b><br>- Biết tổng số đo các góc trong của một tứ giác.<br><b>Thông hiểu</b><br>- Tìm số đo 1 góc chưa biết trong tứ giác khi biết số đo 3 góc                                                                                             | 1TN | 1TL |     |
|   |                | 2.2. Hình thang, hình thang cân | <b>Nhận biết</b><br>- Nhận biết được hình thang, hình thang cân bằng định nghĩa, dấu hiệu nhận biết.<br>- Xác định được các tính chất của hình thang, hình thang cân<br><b>Vận dụng</b><br>- Chứng minh được tứ giác là hình thang, hình thang cân, ... | 1TN |     | 1TL |
|   |                | 2.3. Hình bình hành             | <b>Nhận biết</b><br>- Nhận biết được hình bình hành bằng định nghĩa, dấu hiệu nhận biết.<br>- Xác định được các tính chất của hình bình hành.<br><b>Vận dụng</b><br>- Chứng minh được tứ giác là hình bình hành.<br>- Chứng minh tổng hợp               | 1TN |     | 1TL |
|   |                | 2.4. Hình chữ nhật              | <b>Nhận biết</b><br>- Nhận biết được hình chữ nhật bằng định nghĩa, dấu hiệu nhận biết.<br>- Xác định được các tính chất của hình chữ nhật.<br><b>Vận dụng</b><br>- Chứng minh được tứ giác là hình chữ nhật.<br>- Chứng minh tổng hợp                  | 1TN |     | 1TL |

|  |  |                                           |                                                                                                                                                             |            |  |  |
|--|--|-------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|--|--|
|  |  | <b>2.5. Hình<br/>thoi, hình<br/>vuông</b> | <b>Nhận biết</b><br>- Nhận biết được hình thoi, hình vuông bằng định nghĩa, dấu hiệu nhận biết.<br>- Xác định được các tính chất của hình thoi, hình vuông. | <b>1TN</b> |  |  |
|--|--|-------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|--|--|

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I- NĂM HỌC: 2026 -2027

KHỐI 8

I. NỘI DUNG, HÌNH THỨC, THỜI GIAN KIỂM TRA

- Nội dung: Chủ đề 1.2 GDĐP 8. Tỉ lệ kiến thức: 40% nhận biết, 30 % thông hiểu, 20 % vận dụng, 10% vận dụng cao.
- Hình thức kiểm tra: Trắc tiếp, 70% trắc nghiệm, 30% tự luận
- Thời gian: 45 phút.

a) Khung ma trận

| TT | Chương/<br>chủ đề                                         | Nội dung/<br>đơn vị kiến<br>thức                                     | Mức độ nhận thức |    |                    |    |                  |    |                      |     | Tổng<br>% điểm |
|----|-----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|------------------|----|--------------------|----|------------------|----|----------------------|-----|----------------|
|    |                                                           |                                                                      | Nhận biết (TNKQ) |    | Thông hiểu<br>(TL) |    | Vận dụng<br>(TL) |    | Vận dụng cao<br>(TL) |     |                |
|    |                                                           |                                                                      | TN<br>KQ         | TL | TNKQ               | TL | TN<br>KQ         | TL | TNKQ                 | TL  |                |
| 1  | Chủ đề 1: Đô thị<br>hoá ở Thành phố<br>Hồ Chí Minh        | Đặc điểm đô thị<br>hóa tại Thành<br>phố Hồ Chí<br>Minh               | 2TN              |    |                    |    |                  |    |                      | 1TL | 20%            |
|    |                                                           | Tác động của<br>quá trình đô thị<br>hóa đối với<br>thành phố         |                  |    | 4TN                |    |                  |    |                      |     | 20%            |
| 2  | Chủ đề 2: Lịch sử<br>Thành phố Hồ Chí<br>Minh từ giữa thế | Quá trình khai<br>phá, xác lập chủ<br>quyền và định<br>hình vùng đất | 4TN              |    | 2TN                |    |                  |    |                      |     | 30%            |

|       |                           |                                                                                                                         |     |     |  |     |  |     |  |      |     |
|-------|---------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|--|-----|--|-----|--|------|-----|
|       | kỉ XVII đến đầu thế kỉ XX | Gia Định - Sài Gòn (Giữa thế kỷ XVII - giữa thế kỷ XIX)                                                                 |     |     |  |     |  |     |  |      |     |
|       |                           | Sự biến đổi về hành chính, không gian đô thị và kinh tế - xã hội dưới thời Pháp thuộc (Giữa thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX) | 2TN |     |  |     |  | 1TL |  |      | 30% |
| Tỉ lệ |                           |                                                                                                                         | 40% | 30% |  | 20% |  | 10% |  | 100% |     |

b) Bản đặc tả

| TT | Chương/<br>Chủ đề                            | Nội dung/Đơn vị kiến thức                           | Mức độ đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                               | Số câu hỏi theo mức độ nhận thức |            |          |              |
|----|----------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|------------|----------|--------------|
|    |                                              |                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                               | Nhận biết                        | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |
| 1  | Chủ đề 1: Đô thị hoá ở Thành phố Hồ Chí Minh | Đặc điểm đô thị hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh       | <b>Nhận biết</b><br>- Bước ngoặt quan trọng nhất trong việc mở rộng định hướng không gian đô thị của TP.HCM sau năm 1975 và thời kỳ Đổi Mới (1986).<br>- Quá trình đô thị hóa tại TP.HCM đã mang lại tác động tích cực lớn nhất nào đối với chuyển dịch cơ cấu kinh tế nội bộ | 2TN                              |            |          | 1TL          |
|    |                                              | Tác động của quá trình đô thị hóa đối với thành phố | <b>Thông hiểu:</b><br>- Khái niệm "Đô thị thông minh" (Smart City) mà TP.HCM đang triển khai tập trung                                                                                                                                                                        |                                  | 4TN        |          |              |

|   |                                                                                      |                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |     |     |     |  |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|-----|--|
|   |                                                                                      |                                                                                                                                   | <p>vào việc ứng dụng công nghệ nào để nâng cao quản lý</p> <p><b>Vận dụng:</b></p> <p>Đô thị hóa không chỉ làm thay đổi hạ tầng mà còn làm thay đổi sâu sắc "lối sống đô thị". Là một học sinh đang sinh sống, học tập tại Thành phố Hồ Chí Minh, em thấy lối sống đô thị hiện đại mang lại cơ hội gì và làm mai một đi những giá trị văn hóa truyền thống nào của vùng đất Gia Định - Sài Gòn xưa? Em cần làm gì để giữ gìn "bản sắc" đó?</p>                                                                                                                                                                                                                |     |     |     |  |
| 2 | <b>Chủ đề 2: Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh từ giữa thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XX</b> | <p>Quá trình khai phá, xác lập chủ quyền và định hình vùng đất Gia Định</p> <p>- Sài Gòn (Giữa thế kỷ XVII - giữa thế kỷ XIX)</p> | <p><b>Nhận biết:</b></p> <p>- Vào cuối thế kỷ XVII đến thế kỷ XVIII, khu vực Chợ Lớn (đô thị Hoa kiều xưa) hình thành và nhanh chóng trở thành trung tâm giao thương lớn nhờ sự đóng góp ban đầu của nhóm cư dân nào</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4TN | 2TN |     |  |
|   |                                                                                      | <p>Sự biến đổi về hành chính, không gian đô thị và kinh tế - xã hội dưới thời Pháp thuộc (Giữa thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX)</p>    | <p><b>Nhận biết:</b></p> <p>- Năm 1861, tuyến phòng thủ quy mô lớn của quân đội triều đình nhà Nguyễn do Nguyễn Tri Phương chỉ huy bị quân Pháp phá vỡ tại Sài Gòn có tên gọi là gì</p> <p>- Cụm từ "Hòn ngọc Viễn Đông" (La Perle de l'Extrême-Orient) bắt đầu được người Pháp và giới truyền thông phương Tây dùng để ca ngợi Sài Gòn vào khoảng thời gian nào</p> <p><b>Vận dụng:</b></p> <p>- Có ý kiến cho rằng: <i>"Những đặc trưng về một đô thị sông nước, mở cửa và hội nhập của Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay đã được định hình vững chắc từ giai đoạn giữa thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XX"</i>. Bằng những kiến thức lịch sử đã học,</p> | 2TN |     | 1TL |  |

|                  |  |  |                                                                                                                                                       |            |            |            |            |
|------------------|--|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------|------------|------------|
|                  |  |  | em hãy làm sáng tỏ nhận định trên. Theo em, là học sinh cần làm gì để phát huy truyền thống "năng động, sáng tạo, đi đầu" được đúc kết từ lịch sử ấy? |            |            |            |            |
| Số câu/ loại câu |  |  |                                                                                                                                                       | 8 câu TNKQ | 6 câu TNKQ | 1 câu TL   | 1 câu TL   |
| <i>Tỉ lệ</i>     |  |  |                                                                                                                                                       | <b>40%</b> | <b>30%</b> | <b>20%</b> | <b>10%</b> |

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I (2026-2027)

MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 8

a) Khung ma trận

| TT              | Chương/<br>chủ đề                                       | Nội dung/<br>đơn vị kiến<br>thức                                                                                             | Mức độ nhận thức |    |                    |    |                  |    |                      |    | Tổng<br>% điểm |
|-----------------|---------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|----|--------------------|----|------------------|----|----------------------|----|----------------|
|                 |                                                         |                                                                                                                              | Nhận biết (TNKQ) |    | Thông hiểu<br>(TL) |    | Vận dụng<br>(TL) |    | Vận dụng cao<br>(TL) |    |                |
|                 |                                                         |                                                                                                                              | TN<br>KQ         | TL | TNKQ               | TL | TN<br>KQ         | TL | TNKQ                 | TL |                |
| Phân môn Địa lí |                                                         |                                                                                                                              |                  |    |                    |    |                  |    |                      |    |                |
| 1               | Bài 1. Vị trí địa lí<br>và phạm vi lãnh<br>thổ Việt Nam | Vị trí địa lí và<br>lãnh thổ.                                                                                                | I(C1;C2)         |    |                    |    |                  |    |                      |    | 5%             |
|                 |                                                         | Ảnh hưởng của<br>vị trí địa lí và<br>phạm vi lãnh<br>thổ đối với sự<br>hình thành đặc<br>điểm địa lí tự<br>nhiên Việt<br>Nam | I(C3;C4)         |    |                    |    |                  |    |                      |    | 5%             |
| 2               | Bài 2. Địa hình<br>Việt Nam                             | Đặc điểm<br>chung của địa<br>hình                                                                                            |                  |    | II(1a;1b)          |    |                  |    | II(1c;1d)            |    | 10%            |

|                  |                                                                                        |                                                                                      |           |  |     |            |     |        |    |  |     |
|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--|-----|------------|-----|--------|----|--|-----|
|                  |                                                                                        | Ảnh hưởng của sự phân hoá địa hình đối với sự phân hoá tự nhiên và khai thác kinh tế | I(C5;C6)  |  |     |            |     |        |    |  | 5%  |
| 3                | Bài 3. Khoáng sản Việt Nam                                                             | Đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản                                             |           |  |     | 1(a)<br>TL |     | 1(b)TL |    |  | 20% |
|                  |                                                                                        | Vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản                                          | I(C7;C8)  |  |     |            |     |        |    |  | 5%  |
| Tỉ lệ            |                                                                                        |                                                                                      | 20%       |  | 15% |            | 10% |        | 5% |  | 50% |
| Phân môn Lịch sử |                                                                                        |                                                                                      |           |  |     |            |     |        |    |  |     |
| 1                | Bài 1. Cách mạng tư sản Anh và chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ | Cách mạng tư sản Anh                                                                 | I(C9;C10) |  |     |            |     |        |    |  | 5%  |
|                  |                                                                                        | Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ                              | I(C11;12) |  |     | 2(a)TL     |     | 2(b)TL |    |  | 25% |

|                |                                                    |                         |           |  |          |  |     |          |     |     |      |
|----------------|----------------------------------------------------|-------------------------|-----------|--|----------|--|-----|----------|-----|-----|------|
|                |                                                    |                         |           |  |          |  |     |          |     |     |      |
| 2              | Bài 5. Xung đột Nam – Bắc triều và Trịnh – Nguyễn. | Xung đột Nam-Bắc triều  | I(C13;14) |  |          |  |     |          |     |     | 5%   |
|                |                                                    | Xung đột Trịnh - Nguyễn | I(C15;16) |  | II(2a;b) |  |     | II(2c;d) |     | 15% |      |
| Tỉ lệ          |                                                    |                         | 20%       |  | 15%      |  | 10% |          | 5%  |     | 50%  |
| Tổng hợp chung |                                                    |                         | 40%       |  | 30%      |  | 20% |          | 10% |     | 100% |

**b) Bản đặc tả**

| TT              | Chương/<br>Chủ đề                                 | Nội dung/Đơn vị<br>kiến thức                                                                            | Mức độ đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Số câu hỏi theo mức độ nhận thức |            |          |              |
|-----------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|------------|----------|--------------|
|                 |                                                   |                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Nhận biết                        | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |
| Phân môn Địa lí |                                                   |                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                  |            |          |              |
| 1               | Bài 1. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ Việt Nam | Vị trí địa lí và lãnh thổ.                                                                              | <b>Nhận biết:</b><br>Nêu đặc điểm nổi bật của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | I(C1;2)                          |            |          |              |
|                 |                                                   | Ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với sự hình thành đặc điểm địa lí tự nhiên Việt Nam | <b>Nhận biết:</b><br>- Nêu được ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với sự hình thành đặc điểm tự nhiên<br><b>Thông hiểu:</b><br>- Nêu những thuận lợi của vị trí địa lí nước ta trong việc giao lưu với các nước trong khu vực và trên thế giới.<br>- Vì sao địa hình nước ta có sự phân hoá thiên nhiên đa dạng<br>- Giải thích được ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với sự hình thành đặc điểm khí hậu, sinh vật | I(C3;4)                          |            |          |              |

|   |                                 |                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |         |          |          |
|---|---------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|----------|----------|
| 2 | <b>Bài 2. Địa hình Việt Nam</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặc điểm chung của địa hình</li> <li>- Ảnh hưởng của sự phân hoá địa hình đối với sự phân hoá tự nhiên và khai</li> </ul> | <p><b>Nhận biết</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được một trong những đặc điểm chủ yếu của địa hình Việt Nam</li> </ul> <p><b>Thông hiểu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích được sự phân hoá địa hình đối với sự phân hoá lãnh thổ tự nhiên và khai thác kinh tế</li> <li>- Giải thích được đặc điểm địa hình đồi núi chiếm ưu thế</li> </ul> <p><b>Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lấy ví dụ cụ thể về ảnh hưởng của địa hình đối với sự phát triển ngành kinh tế ở</li> <li>- Theo em, địa hình có những thuận lợi và khó khăn nào đối với việc khai thác kinh tế ở nước ta hiện nay?</li> <li>- Đánh giá vai trò của dãy Hoàng Liên Sơn đối với sự phân hóa khí hậu giữa khu vực Tây Bắc và Đông Bắc nước ta.</li> </ul> | I(C5;6) | II(1a;b) | II(1c;d) |
|---|---------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|----------|----------|

|                         |                                                                                               |                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                      |              |            |                      |
|-------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|--------------|------------|----------------------|
| 3                       | <b>Bài 3. Khoáng sản Việt Nam</b>                                                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản</li> <li>- Vấn đề sử dụng hợp lý tài nguyên khoáng sản</li> </ul> | <b>Nhận biết.</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản Việt Nam</li> <li>- Nêu biện pháp sử dụng hợp lý tài nguyên khoáng sản nước ta</li> </ul> <b>Thông hiểu</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích được vấn đề sử dụng hợp lý tài nguyên khoáng sản ở Việt Nam</li> </ul> <b>Vận dụng cao</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo em, cần làm gì để bảo vệ tài nguyên khoáng sản bền vững</li> </ul> | I(C7;8)                              | 1(a)TL       |            | 1(b)TL               |
| Số câu/ loại câu        |                                                                                               |                                                                                                                                                     | 8 câu TNKQ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1 câu TN<br>II(1a;b)<br>1 câu (a) TL | 1 câu (b) TL |            | 1 câu TN<br>II(1c;d) |
| <b>Tỉ lệ %</b>          |                                                                                               |                                                                                                                                                     | <b>20</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | <b>15</b>                            | <b>10</b>    |            | <b>5</b>             |
| <b>Phân môn Lịch sử</b> |                                                                                               |                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                      |              |            |                      |
| 1                       | <b>Bài 1. Cách mạng tư sản Anh và chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cách mạng tư sản Anh</li> <li>- Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ</li> </ul>         | <b>Nhận biết</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được những nét chung về nguyên nhân của cách mạng tư sản Anh.</li> <li>- Thể chế chính trị sau cách mạng tư sản Anh là</li> <li>- Trình bày được nguyên nhân, kết quả, ý nghĩa của cuộc đấu tranh giành độc lập 13 bang thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ?</li> </ul> <b>Thông hiểu</b>                                                                                                                                               | I(C9;10)                             | 2 (a)<br>TL  | 2(b)<br>TL |                      |



|                       |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |            |                                   |              |                   |
|-----------------------|--|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-----------------------------------|--------------|-------------------|
|                       |  |  | <p>công cuộc xây dựng lực lượng của Nam triều?</p> <p>- Phân tích được vai trò hệ thống Luỹ Thầy và dòng sông Gianh</p> <p><b>Vận dụng cao</b></p> <p>- Phân tích được bài học lịch sử rút ra từ các cuộc xung đột Nam - Bắc triều và Trịnh - Nguyễn đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay</p> |            |                                   |              |                   |
| Số câu/ loại câu      |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8 câu TNKQ | 1 câu TN II(2a;b)<br>1 câu (a) TL | 1 câu (b) TL | 1 câu TN II(2c;d) |
| <b>Tỉ lệ %</b>        |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | <b>20</b>  | <b>15</b>                         | <b>10</b>    | <b>5</b>          |
| <b>Tổng hợp chung</b> |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | <b>40%</b> | <b>30%</b>                        | <b>20%</b>   | <b>10%</b>        |